

**CĂN CỨ PHẢN ĐỐI VIỆC THI HÀNH PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI
NƯỚC NGOÀI Ở VIỆT NAM DO THỎA THUẬN TRỌNG TÀI VÔ HIỆU**

TRẦN NGỌC THUYẾT*

Ngày nhận bài: 24/03/2023

Ngày phản biện: 30/06/2023

Ngày đăng bài: 30/09/2023

Tóm tắt:

Trong quá trình cải cách hệ thống pháp luật của Việt Nam, việc hoàn thiện pháp luật về trọng tài thương mại, công nhận và cho thi hành phán quyết của Trọng tài nước ngoài góp phần thực hiện hiệu quả các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã thoả thuận. Mặc dù Việt Nam đã nỗ lực phát triển phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài (Luật Trọng tài thương mại năm 2010), nhưng các quy định của pháp luật về công nhận và cho thi hành phán quyết Trọng tài nước ngoài tại Việt Nam vẫn còn những điểm hạn chế. Bài viết nghiên cứu về căn cứ mà bên phải thi hành phán quyết Trọng tài thường dựa vào để phản đối việc công nhận và cho thi hành phán quyết Trọng tài là thoả thuận Trọng tài không có giá trị theo pháp luật của nước mà các bên đã thoả thuận áp dụng.

Từ khóa:

Thoả thuận Trọng tài, thi hành phán quyết trọng tài, tranh chấp thương mại quốc tế

Abstract:

In the process of reforming Vietnam's legal system, enhancing the law on commercial arbitration, and recognizing and enforcing foreign arbitral awards, Vietnam aims to effectively implement the international commitments it has agreed to. Although Vietnam has made significant efforts, such as the introduction of the Commercial Arbitration Law in 2010, the legal provisions for recognizing and enforcing foreign arbitral awards still have limitations. This article examines the grounds upon which a party, subject to an arbitral award, often relies to object to its recognition and enforcement, especially when the arbitration agreement is deemed invalid under the law that both parties agreed to apply.

Keywords:

Arbitration agreement, enforcement of arbitral award, international trade dispute

* ThS. GV Khoa Luật Quốc tế, Trường Đại học Luật, Đại học Huế; Email: thuytn@hul.edu.vn

• Ghi chú: Tài bài viết toàn văn tại địa chỉ: <http://tapchi.hul.edu.vn>.

1. Đặt vấn đề

Công nhận và thi hành quyết định của trọng tài nước ngoài là hành vi pháp lý của quốc gia chính thức thừa nhận sự tồn tại của một quyết định trọng tài nước ngoài có hiệu lực trên lãnh thổ nước mình và gán cho quyết định trọng tài đó một hình thức cưỡng chế thi hành. Điều kiện công nhận và thi hành quyết định trọng tài được quy định trong nhiều điều ước quốc tế và pháp luật quốc gia. Tuy nhiên, phán quyết của trọng tài vẫn có khả năng bị hủy do những vi phạm trong thỏa thuận trọng tài hoặc trong thủ tục tố tụng.

2. Quy định của pháp luật về thỏa thuận trọng tài

Thỏa thuận trọng tài là thỏa thuận giữa các bên về việc chọn trọng tài làm cơ quan giải quyết tranh chấp thương mại, được thể hiện bằng điều khoản trong hợp đồng hoặc bằng văn bản riêng biệt. Có thể nói, thỏa thuận trọng tài tồn tại độc lập với hợp đồng. Không có giá trị ràng buộc các bên khi nó không có hoặc hết hiệu lực.

Trọng tài không có thẩm quyền đương nhiên mà chỉ được giải quyết tranh chấp khi các bên có quyền và nghĩa vụ liên quan thỏa thuận chỉ định. Khi các bên thiết lập một thỏa thuận trọng tài, tức là họ đã trao thẩm quyền giải quyết tranh chấp cho trọng tài và tòa án không có thẩm quyền giải quyết tranh chấp đó. Trừ khi thỏa thuận trọng tài vô hiệu hoặc bị hủy bỏ bởi chính các bên. Như vậy, thẩm quyền của trọng tài được xác lập trên cơ sở thỏa thuận trọng tài.

2.1. Năng lực ký kết thỏa thuận trọng tài

Một thỏa thuận chỉ hợp pháp khi các bên tham gia ký kết thỏa thuận đó có năng lực đầy đủ. Cụ thể, Điều 18 Luật Trọng tài thương mại năm 2010 quy định các trường hợp thỏa thuận trọng tài vô hiệu; theo đó, “người xác lập thỏa thuận trọng tài không có thẩm quyền theo quy định của pháp luật” (khoản 2). Quy định này không cho biết “theo quy định của pháp luật *nước nào*” khi mà các bên tham gia thỏa thuận có quốc tịch/trụ sở ở các nước khác nhau. Sau đó, khoản 3 cũng quy định thỏa thuận trọng tài vô hiệu nếu “Người xác lập thỏa thuận trọng tài không có năng lực hành vi dân sự theo quy định của Bộ luật Dân sự”.

Do đó, khi xem xét phán quyết của Trọng tài nước ngoài, Tòa án cần xem xét pháp luật được áp dụng cho mỗi bên để xác định năng lực ký kết thỏa thuận trọng tài là pháp luật điều chỉnh về năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự đối với mỗi bên ký kết. Pháp luật điều chỉnh về năng lực ký kết thỏa thuận trọng tài áp dụng cho mỗi bên ký kết là khác nhau. Tòa án không được căn cứ vào quy định của pháp luật áp dụng cho một

bên ký kết này để xác định năng lực ký kết trọng tài của bên ký kết kia. Ví dụ một doanh nghiệp có trụ sở tại Việt Nam ký kết thoả thuận Trọng tài với một doanh nghiệp có trụ sở tại Thụy Sĩ, thì Toà án không được căn cứ pháp luật của Việt Nam để xác định năng lực ký kết thoả thuận trọng tài của doanh nghiệp Thụy Sĩ.

Trong Quyết định sơ thẩm số 01/2017/QĐKDTM-ST ngày 29/12/2017, Toà án nhân dân thành phố CT đã quyết định không công nhận và cho thi hành tại Việt Nam phán quyết của Tổ chức trọng tài Thụy Sĩ giữa người được thi hành là công ty LTD với người phải thi hành là Công ty P. Quyết định phúc thẩm số 25/2018/QĐKDTM-PT ngày 28/6/2018, Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố H giữ nguyên quyết định sơ thẩm dựa trên nhận định người ký kết hợp đồng có thoả thuận trọng tài không có thẩm quyền ký kết, vì tại thời điểm ký kết, người tham gia ký hợp đồng không phải là người đại diện của công ty P và cũng không được Công ty P uỷ quyền.¹ Như vậy, việc công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài ở Việt Nam hiện nay vẫn còn tồn tại nhiều vấn đề như xác định năng lực ký kết thoả thuận trọng tài, trình tự thực hiện tố tụng trọng tài.

Trường hợp bên phải thi hành phát hiện thoả thuận trọng tài vô hiệu do người ký thoả thuận trọng tài không có năng lực hoặc thẩm quyền ký thoả thuận đó nhưng không phản đối trong quá trình thực hiện tố tụng trọng tài, thì người phải thi hành không được căn cứ vào lý do này để phản đối việc công nhận phán quyết của Trọng tài nước ngoài. Như vậy, Luật Trọng tài thương mại đã không có quy định riêng biệt về năng lực chủ thể mà phải viện dẫn đến các quy định chung của Bộ luật Dân sự (BLDS).

Ngoài ra, thoả thuận trọng tài giữa các bên có quốc tịch/trụ sở khác nhau (tức là có yếu tố nước ngoài) thì sẽ làm phát sinh vấn đề xung đột pháp luật. Trong một vụ tranh chấp phát sinh từ hợp đồng mua bán cá giữa một doanh nghiệp Tây Ban Nha (Nguyên đơn – Bên mua) và một doanh nghiệp Việt Nam (Bị đơn – Bên bán), bị đơn cho rằng nguyên đơn không có tư cách pháp nhân nên hợp đồng không có giá trị. Tuy nhiên, Hội đồng trọng tài V đã xác định nguyên đơn có tư cách pháp nhân vì nguyên đơn đã xuất trình trước Hội đồng trọng tài Giấy chứng nhận thành lập và Điều lệ thành lập của nguyên đơn, theo đó nguyên đơn là một pháp nhân độc lập và được thành lập hợp pháp theo pháp luật của Tây

¹ Đặng Thị Thơm (2022), *Vấn đề thực thi phán quyết của Trung tâm trọng tài thương mại – Những vướng mắc và kiến nghị*, <https://tapchitoaan.vn/van-de-thuc-thi-phan-quyet-cua-trung-tam-trong-tai-thuong-mai-quoc-te-nhung-vuong-mac-va-kien-nghi7437.html>, truy cập ngày 15/03/2023.

Ban Nha vào ngày 03/10/1994². Do đó, việc xác định doanh nghiệp có tư cách pháp nhân hay không cũng không nên được xác định theo pháp luật Việt Nam mà nên “theo pháp luật của nước nơi pháp nhân đó thành lập”³. Như vậy, trọng tài đã áp dụng quy phạm xung đột của Việt Nam để xác định luật điều chỉnh năng lực chủ thể.

Ngoài ra, Điều 676 BLDS năm 2015 đã quy định: “quốc tịch của pháp nhân được xác định theo pháp luật của nước nơi pháp nhân thành lập. Năng lực pháp luật dân sự của pháp nhân; tên gọi của pháp nhân; đại diện theo pháp luật của pháp nhân; việc tổ chức, tổ chức lại, giải thể pháp nhân; quan hệ giữa pháp nhân với các thành viên của pháp nhân; trách nhiệm của pháp nhân và thành viên của pháp nhân đối với các nghĩa vụ của pháp nhân được xác định theo pháp luật của nước mà pháp nhân có quốc tịch”. Vì vậy, việc xác định doanh nghiệp có tư cách pháp nhân hay không cần được xác định theo pháp luật của nước nơi pháp nhân đó được thành lập.

Như vậy, có thể nói rằng, năng lực chủ thể với ý nghĩa là một điều kiện có hiệu lực của hợp đồng nói chung và của thỏa thuận trọng tài nói riêng phải luôn được xác định theo pháp luật của nước mà mỗi bên có quốc tịch hoặc có trụ sở. Năng lực chủ thể không thuộc lĩnh vực mà các bên được quyền chọn luật áp dụng để điều chỉnh. Khi đứng trước vấn đề về năng lực chủ thể ký kết thỏa thuận trọng tài, trọng tài sẽ phải dựa vào luật của nước mà các bên có quốc tịch hoặc trụ sở, chứ không dựa vào luật mà các bên lựa chọn áp dụng đối với hợp đồng.

Căn cứ từ chối và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài trên cơ sở các bên ký kết thỏa thuận trọng tài không có năng lực để ký kết thuộc về nghĩa vụ chứng minh của bên phản đối việc thi hành phán quyết trọng tài. Tòa án sẽ không tự mình xem xét đến căn cứ này trừ khi Bên phản đối việc thi hành phán quyết cung cấp được các chứng cứ có căn cứ hợp pháp chứng minh cho phản đối của mình theo quy định tại Điều V.1 của Công ước New York và Điều 459.1 của Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015. Tòa án cũng sẽ không tự thu thập chứng cứ hay yêu cầu Bên yêu cầu công nhận và cho thi hành cung cấp chứng cứ chứng minh về thẩm quyền ký kết thỏa thuận trọng tài của mình trong bất cứ trường hợp nào⁴.

² Đỗ Văn Đại (2015), *Giải quyết tranh chấp hợp đồng: Những điều doanh nhân cần biết*, Nxb. Tri thức, Chủ đề 10, tr. 52

³ Đỗ Văn Đại (2015), *Giải quyết tranh chấp hợp đồng: Những điều doanh nhân cần biết*, Nxb. Tri thức, Chủ đề 10, tr. 52

⁴ Nguyễn Mạnh Dũng và Nguyễn Thị Thu Trang (2016), *Căn cứ từ chối công nhận và cho thi hành trên cơ sở năng lực ký kết hợp đồng và thỏa thuận trọng tài theo luật Việt Nam và luật nước ngoài*, Tham luận tại Tòa

2.2. Đối tượng của thỏa thuận trọng tài

Điều 2 Luật Trọng tài thương mại Việt Nam quy định về thẩm quyền giải quyết tranh chấp của trọng tài. Theo đó, trọng tài chỉ có thẩm quyền giải quyết: “1. Tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại; 2. Tranh chấp phát sinh giữa các bên trong đó ít nhất một bên có hoạt động thương mại; Tranh chấp khác giữa các bên mà pháp luật quy định được giải quyết bằng trọng tài”. Tuy nhiên, khoản 6 Điều 18 Luật này quy định thỏa thuận trọng tài sẽ vô hiệu nếu vi phạm điều cấm của pháp luật.

Các quy định trên không cho biết đó là pháp luật Việt Nam hay pháp luật nước ngoài. Nếu như tranh chấp giữa các bên không có yếu tố nước ngoài, thì đó hiển nhiên sẽ là pháp luật Việt Nam. Ngược lại, nếu chủ thể là người nước ngoài, trụ sở của pháp nhân cũng như tài sản tranh chấp ở nước ngoài thì đây là tranh chấp thương mại quốc tế.

Trong thực tiễn xét xử, trọng tài thường áp dụng luật của nước nơi có địa điểm trọng tài (*lex loci arbitri*) để xác định xem tranh chấp mà các bên muốn trọng tài giải quyết có thuộc loại tranh chấp được giải quyết bằng trọng tài hay không. Bên cạnh luật của nước có địa điểm trọng tài, trọng tài còn có thể phải tính đến luật của nước nơi phán quyết sẽ phải được công nhận và thi hành, bởi Điều 5 Công ước New York quy định phán quyết trọng tài có thể bị từ chối công nhận và cho thi hành nếu “Đối tượng của vụ tranh chấp không thể giải quyết được bằng trọng tài theo luật pháp của nước đó [nước nơi yêu cầu công nhận và thi hành]”⁵.

3. Căn cứ xác định giá trị của thỏa thuận trọng tài

Luật Trọng tài thương mại 2010 đưa ra khái niệm: “Thoả thuận trọng tài là thoả thuận giữa các bên cam kết giải quyết bằng trọng tài các vụ tranh chấp có thể phát sinh hoặc đã phát sinh” trong hoạt động thương mại. Hay như Luật mẫu của UNCITRAL cũng đưa ra quy định: “Thoả thuận trọng tài là thoả thuận mà các bên đưa ra trọng tài mọi tranh chấp nhất định phát sinh giữa các bên về quan hệ pháp lý xác định, dù là quan hệ hợp đồng hay không phải quan hệ hợp đồng. Thoả thuận trọng tài có thể dưới hình thức điều khoản trong hợp đồng hoặc dưới hình thức thoả thuận riêng”. Trọng tài không có thẩm quyền đương nhiên đối với các vụ việc tranh chấp cụ thể mà chỉ có thẩm quyền giải quyết vụ việc khi các bên đương sự thoả thuận đưa tranh chấp ra giải quyết trước trọng tài. Như vậy, thẩm quyền xét xử của trọng tài được hình thành khi có thoả thuận trọng tài và thoả thuận

đàm về các quy định mới của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và Công ước New York 1958 do Usaid tổ chức, tr.142

⁵ Công ước về công nhận và thi hành các quyết định trọng tài nước ngoài (Công ước New York 1958)

đó phải nằm trong phạm vi thẩm quyền giải quyết tranh chấp trọng tài do pháp luật quy định.

Giá trị pháp lý của điều khoản trọng tài được thực hiện khi hợp đồng phát sinh tranh chấp mà một bên kiện ra toà án thì toà án phải từ chối thụ lý vụ kiện, trừ trường hợp thoả thuận trọng tài vô hiệu hoặc thoả thuận trọng tài không thể thực hiện được. Ngoài ra, phán quyết của trọng tài chỉ có giá trị chung thẩm. Tính chung thẩm được hiểu là khi Hội đồng trọng tài ra phán quyết thì phán quyết này không bị xét lại về mặt nội dung, không bị kháng cáo, kháng nghị và có hiệu lực thi hành với các bên. Nếu một bên không thi hành thì bên kia có quyền yêu cầu thi hành phán quyết của trọng tài theo quy định của pháp luật.⁶ Luật mẫu của UNCITRAL cũng ghi nhận về việc phán quyết của trọng tài được công nhận và có hiệu lực bắt buộc bất kể được tuyên ở nước nào.

Như vậy, trọng tài không có thẩm quyền đương nhiên như tòa án quốc gia, mà chỉ có thẩm quyền khi các bên lựa chọn thoả thuận trọng tài để giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên, cũng giống như mọi thoả thuận dân sự khác, thoả thuận trọng tài chỉ phát sinh hậu quả pháp lý, tức là trao quyền xét xử cho trọng tài, khi thoả thuận trọng tài đó hợp pháp.

Theo quy định của Điều V.1 Công ước New York 1958 và Điều 459 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, giá trị pháp lý của thoả thuận trọng tài trước hết sẽ được xem xét trên cơ sở luật mà các bên lựa chọn. Toà sẽ áp dụng luật mà các bên đã lựa chọn rõ ràng để điều chỉnh giá trị pháp lý của thoả thuận trọng tài hoặc luật mà các bên lựa chọn để điều chỉnh tố tụng trọng tài vì nó được xem như là lựa chọn để điều chỉnh thoả thuận trọng tài.⁷ Trong trường hợp các bên không có thoả thuận rõ ràng liên quan đến luật áp dụng để xem xét giá trị pháp lý của thoả thuận trọng tài, Toà án sẽ căn cứ vào “luật của nước nơi phán quyết trọng tài được tuyên” để xem xét theo đúng quy định tại Điều V.1 (a) Công ước New York hoặc Điều 459.1 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Ngoài ra, theo quy định của điểm b khoản 1 Điều 459, pháp luật của nước mà các bên đã chọn để áp dụng cho thoả thuận trọng tài là pháp luật điều chỉnh hiệu lực của thoả thuận trọng tài. Trường hợp hai bên không lựa chọn pháp luật điều chỉnh hiệu lực thoả thuận trọng tài, Toà án căn cứ vào pháp luật của nước nơi phán quyết Trọng tài đã tuyên để xác định giá trị pháp lý của thoả thuận trọng tài. Pháp luật của nước nơi phán quyết trọng

⁶ Khoản 5 Điều 61 và Điều 66 Luật Trọng tài thương mại năm 2010

⁷ Hướng dẫn của UNCITRAL,

https://newyorkconvention1958.org/index.php?lvl=cmspage&pageid=10&menu=621&opac_view=-1, truy cập ngày 15/12/2022

tài đã được tuyên là pháp luật về thoả thuận trọng tài của nước nơi Hội đồng trọng tài tiến hành giải quyết tranh chấp. Ví dụ: Doanh nghiệp A có trụ sở tại Việt Nam ký thoả thuận trọng tài với doanh nghiệp B có trụ sở tại Úc: “Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến hợp đồng này sẽ được các bên yêu cầu Trung tâm trọng tài thương mại quốc tế Úc giải quyết với 3 Trọng tài viên theo quy tắc tổ tụng của Trung tâm trọng tài này; địa điểm Trọng tài là tại Úc; luật áp dụng cho hợp đồng là luật Anh; ngôn ngữ trọng tài là tiếng Anh.” Như vậy, các bên không thoả thuận luật áp dụng cho thoả thuận trọng tài. Do đó, luật của nước nơi Hội đồng trọng tài tiến hành giải quyết tranh chấp (luật Úc) được sử dụng để xem xét giá trị pháp lý của thoả thuận trọng tài giữa doanh nghiệp A và doanh nghiệp B.

Công ước New York không quy định về cách xác định địa điểm nơi phán quyết trọng tài được tuyên. Thực tiễn giải quyết tranh chấp bằng trọng tài cho thấy toà án các quốc gia cũng như quy tắc trọng tài, luật trọng tài đều xem địa điểm trọng tài được ghi nhận ở điều khoản trọng tài chính là địa điểm nơi phán quyết trọng tài được tuyên. Do đó, Toà án Việt Nam không thể dựa vào các quy định của pháp luật trọng tài Việt Nam để xem xét giá trị pháp lý của thoả thuận trọng tài khi xem xét căn cứ này.

Bên cạnh đó, theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 459 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án phải xem xét tranh chấp mà các bên yêu cầu Trọng tài giải quyết có phải là tranh chấp nêu trong thoả thuận Trọng tài hay không; tranh chấp nêu trong thoả thuận Trọng tài có thuộc thẩm quyền giải quyết của Hội đồng trọng tài đã ra phán quyết hay không. Ví dụ, phán quyết của Trọng tài nước ngoài về giải quyết tranh chấp đối với một số hợp đồng nhưng trong đó có một hợp đồng không thuộc phạm vi điều chỉnh của thoả thuận Trọng tài giữa các bên. Trong trường hợp này, phần phán quyết đối với các hợp đồng thuộc phạm vi điều chỉnh của thoả thuận Trọng tài sẽ được xem xét, công nhận.

4. Căn cứ phản đối việc công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài ở Việt Nam do thoả thuận trọng tài vô hiệu.

Năm 1995, Việt Nam đã kí kết Công ước New York 1958 về công nhận và thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài. Theo Điều 3 của Công ước, mỗi quốc gia thành viên sẽ công nhận các quyết định trọng tài có giá trị ràng buộc và thi hành chúng theo quy tắc về thủ tục của lãnh thổ nơi quyết định sẽ được thi hành.

Công nhận và thi hành quyết định của trọng tài nước ngoài là hành vi pháp lý của quốc gia chính thức thừa nhận sự tồn tại của một quyết định trọng tài nước ngoài có hiệu

lực trên lãnh thổ nước mình và gắn cho quyết định trọng tài đó một hình thức cưỡng chế thi hành. Điều kiện công nhận và thi hành quyết định trọng tài được quy định trong nhiều điều ước quốc tế và pháp luật quốc gia, Điều 5 Công ước New York 1958 đã đưa ra các quy định từ chối việc công nhận thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài như: Các bên tranh chấp không có đủ năng lực, hoặc thoả thuận trọng tài không có giá trị theo luật mà các bên chịu sự điều chỉnh; Bên phải thi hành quyết định không được thông báo thích đáng về việc chỉ định trọng tài viên hay về tổ tụng trọng tài hoặc do một nguyên nhân nào khác không thể trình bày vụ việc của mình; Quyết định trọng tài gồm các quyết định về các vấn đề ngoài phạm vi yêu cầu xét xử bằng trọng tài; Thành phần trọng tài xét xử hoặc thủ tục xét xử trọng tài không phù hợp với thoả thuận của các bên hoặc nếu không phù hợp với luật của nước nơi tiến hành trọng tài; Quyết định chưa có hiệu lực ràng buộc đối với các bên, hoặc bị huỷ hay trì hoãn bởi cơ quan có thẩm quyền hoặc theo luật của nước nơi quyết định được lập.

Theo quy định tại điểm e, khoản 1 Điều 459 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án sẽ dựa vào quy định pháp luật của nước nơi Hội đồng trọng tài tiến hành giải quyết tranh chấp để xem xét phán quyết của Trọng tài nước ngoài có hiệu lực hay chưa có hiệu lực. Hiệu lực của phán quyết Trọng tài nước ngoài đối với các bên tranh chấp không phụ thuộc vào việc phán quyết đó có thể thi hành hay không thể thi hành tại nước nơi Hội đồng trọng tài tiến hành giải quyết tranh chấp vì lý do người phải thi hành có hoặc không có tài sản ở nước này.

Đối với các quốc gia là thành viên của Công ước New York 1958 thì mỗi quốc gia sẽ công nhận các quyết định trọng tài nước ngoài có giá trị pháp lý ràng buộc và thi hành các quyết định đó theo trình tự, thủ tục do pháp luật quốc gia quy định. Toà án quốc gia không xét lại nội dung vụ việc được tuyên trong quyết định trọng tài, toà án chỉ mở phiên toà xem xét các điều kiện để một quyết định trọng tài được công nhận và thi hành trên lãnh thổ của nước mình.

Trong thực tiễn giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế, bên phải thi hành phán quyết thường viện dẫn căn cứ đầu tiên là thoả thuận trọng tài vô hiệu dẫn đến hợp đồng vô hiệu để phản đối việc công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài ở Việt Nam. Tuy nhiên, toà án các quốc gia thường bác bỏ lập luận này trên cơ sở nguyên tắc về tính độc lập của thoả thuận trọng tài⁸. Theo đó, thoả thuận trọng tài độc lập

⁸ Điều 19 Luật Trọng tài thương mại Việt Nam quy định: “Thoả thuận trọng tài hoàn toàn độc lập với hợp đồng. Việc thay đổi, gia hạn, huỷ bỏ hợp đồng, hợp đồng vô hiệu hoặc không thể thực hiện được không làm mất đi hiệu lực của thoả thuận trọng tài.

với hợp đồng chính có bao gồm thoả thuận trọng tài trong đó và việc hợp đồng chính vô hiệu không đương nhiên dẫn đến thoả thuận trọng tài trong đó cũng vô hiệu. Bên phải thi hành còn đưa ra lý do thoả thuận trọng tài vô hiệu do một bên không ký thoả thuận trọng tài và do đó, không bị ràng buộc bởi thoả thuận trọng tài. Trong trường hợp này, nhiều nước đã quyết định thoả thuận trọng tài vẫn có hiệu lực trên cơ sở thoả thuận trọng tài có dẫn chiếu đến một điều khoản trọng tài khác theo quy định của Công ước New York.

Căn cứ thứ hai, bên phản đối yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài đưa ra là thoả thuận trọng tài sẽ bị vô hiệu vì không được lập thành văn bản theo quy định tại Điều II.2 của Công ước New York năm 1985. Để giải quyết vấn đề này, toà án đã lập luận nếu thoả thuận trọng tài không được lập dưới hình thức bằng văn bản như quy định tại Điều II của Công ước New York, phán quyết trọng tài nước ngoài vẫn có thể được công nhận nếu thoả thuận này có giá trị theo pháp luật của nước nơi yêu cầu công nhận và cho thi hành theo quy định về quyền thuận lợi hơn tại Điều VII.1⁹ của Công ước New York.

Ví dụ, ngày 28/2/2017, Công ty C có đơn gửi Toà án nhân dân thành phố C yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam phán quyết của Trọng tài nước ngoài số 300367 – 2016 ngày 8/12/2016 của Tổ chức Trọng tài Thụy Sĩ, người phải thi hành phán quyết của Trọng tài nước ngoài là Công ty P. Đơn yêu cầu của Công ty C được Đại sứ quán Việt Nam tại Thụy Sĩ hợp pháp hoá lãnh sự ngày 17/3/2017; kèm theo đơn yêu cầu gồm Bản sao phán quyết trọng tài bằng tiếng Anh, Hợp đồng mua bán hàng hoá số CE-PTT/190914 ngày 19/9/2014, bản Quy tắc Trọng tài quốc tế Thụy Sĩ và các tài liệu tiếng Anh dịch ra tiếng Việt đã được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam chứng thực hợp pháp theo quy định tại Điều 452, Điều 453 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 4 của Công ước New York 1985. Tại khoản 2 Điều 32 của Quy tắc Trọng tài quốc tế Thụy Sĩ quy định: “Phán quyết phải được lập thành văn bản, có giá trị chung thẩm và ràng buộc giữa các bên”¹⁰.

Căn cứ thứ ba để xác định thoả thuận trọng tài vô hiệu mà bên phải thi hành đưa ra là không có thoả thuận về việc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài theo Công ước do không có sự đồng thuận của các bên về việc chọn trọng tài để giải quyết tranh chấp. Trên thực tế,

⁹ Điều VII.1: “Các quy định của Công ước này không làm ảnh hưởng tới hiệu lực của các thoả thuận đa phương hay song phương của các Quốc gia thành viên liên quan đến việc công nhận và thi hành các quyết định trọng tài, cũng như không tước của bất cứ bên nào liên quan các quyền có thể dùng quyết định trọng tài theo cách và giới hạn được luật pháp hoặc các điều ước của nước nơi quyết định sẽ được thi hành cho phép.

¹⁰ Đặng Thị Thom (2022), *Vấn đề thực thi phán quyết của Trung tâm trọng tài thương mại – Những vướng mắc và kiến nghị*, <https://tapchitoaan.vn/van-de-thuc-thi-phan-quyet-cua-trung-tam-trong-tai-thuong-mai-nhung-vuong-mac-va-kiem-nghi>7437.html, truy cập ngày 15/03/2023

khi hai bên ký vào hợp đồng có quy định điều khoản trọng tài thì họ đã ngầm thừa nhận giá trị pháp lý của thoả thuận trọng tài.

Từ những căn cứ để phản đối việc công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài, theo quy định tại Điều V.1 của Công ước New York và Điều 459.1 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bên phản đối việc công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài sẽ phải chứng minh phán quyết thuộc một trong các căn cứ từ chối đó.

Đối với căn cứ liên quan đến giá trị pháp lý của thoả thuận trọng tài, bên yêu cầu công nhận và cho thi hành chỉ cần cung cấp bản chính hoặc bản sao của thoả thuận trọng tài. Ngược lại, bên phản đối yêu cầu công nhận và cho thi hành sẽ phải cung cấp chứng cứ thuyết phục và hợp lệ chứng minh thoả thuận trọng tài không có giá trị pháp lý hoặc không tồn tại theo pháp luật áp dụng cho thoả thuận trọng tài, hoặc thoả thuận trọng tài vô hiệu. Tuy nhiên, trên thực tế, Toà án Việt Nam vẫn dựa vào phản đối của một bên để xem xét lại các vấn đề liên quan đến giá trị pháp lý của thoả thuận trọng tài và thẩm quyền của hội đồng trọng tài trên cơ sở pháp luật Việt Nam, mặc dù theo tinh thần của Công ước New York, luật áp dụng để xem xét phán quyết của trọng tài là pháp luật nước ngoài.¹¹

Từ những vấn đề trên, tác giả đề xuất những giải pháp hoàn thiện pháp luật về thoả thuận trọng tài:

Thứ nhất, cần quy định cụ thể hơn về các điều kiện có hiệu lực của thoả thuận trọng tài.

Thứ hai, cần có chế tài xử lý vi phạm của bên làm cho thoả thuận trọng tài vô hiệu, như vậy thì khi các bên lựa chọn trọng tài làm cơ quan giải quyết tranh chấp sẽ phải tìm hiểu kỹ các quy định của pháp luật cũng như thấy được chế tài để tuân thủ các điều kiện đảm bảo hiệu lực của thoả thuận trọng tài.

Thứ ba, thoả thuận trọng tài độc lập với hợp đồng nên luật áp dụng cho thoả thuận trọng tài và luật áp dụng cho hợp đồng cần độc lập với nhau.

Trên thực tế, có thể thấy một số căn cứ tòa án đưa ra là hợp lý, nhưng một số căn cứ khác là chưa thuyết phục. Cho nên, khi giải quyết vấn đề công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài, Tòa án cần phải có sự rà soát, chia sẻ kinh nghiệm trong việc giải quyết không công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài. Bên

¹¹ Nguyễn Mạnh Dũng và Nguyễn Thị Thu Trang, *Căn cứ từ chối công nhận và cho thi hành trên cơ sở năng lực ký kết hợp đồng và thoả thuận trọng tài theo luật Việt Nam và luật nước ngoài*, Tham luận tại Toạ đàm về các quy định mới của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và Công ước New York 1958 do Usaid tổ chức, 8/2016

cạnh đó, Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cần sớm ban hành văn bản Nghị quyết hướng dẫn cụ thể chi tiết hướng dẫn quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài đặc biệt là hướng dẫn áp dụng Điều 459 Bộ luật Tố tụng dân sự để đảm bảo nâng cao số lượng quyết định công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài nhằm tăng cường thu hút đầu tư, phát triển kinh tế.

5. Kết luận

Pháp luật trọng tài của các nước đều quy định Toà án có thẩm quyền sẽ công nhận và cưỡng chế cho thi hành phán quyết của Trọng tài nếu bên thua kiện không tự nguyện thi hành. Toà án nơi thi hành phán quyết cũng có quyền tuyên bố huỷ bỏ quyết định của Trọng tài theo đề nghị của một bên nếu phát hiện thấy phán quyết của Trọng tài hoặc quá trình tố tụng có sự vi phạm pháp luật.

Khi xem xét đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành, Hội đồng không được xét xử lại tranh chấp đã được Trọng tài nước ngoài ra phán quyết, Toà án chỉ được kiểm tra, đối chiếu phán quyết của Trọng tài nước ngoài, giấy tờ, tài liệu kèm theo đơn yêu cầu... làm cơ sở cho việc ra quyết định công nhận hoặc không công nhận phán quyết đó. Như vậy, Toà án Việt Nam sẽ không xem xét lại vấn đề về thẩm quyền của hội đồng trọng tài và giá trị pháp lý của thoả thuận trọng tài ngay từ đầu mà chỉ khi có sự phản đối của một bên tranh chấp thì mới tiến hành việc xem xét giá trị pháp lý của thoả thuận trọng tài.

Do đó, cần tăng cường phổ biến, tuyên truyền các ưu điểm của của phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại để các chủ thể có sự thay đổi về nhận thức và ưu tiên lựa chọn trọng tài làm phương thức giải quyết tranh chấp. Ngoài ra, để tránh được những sai sót khi thực hiện ký kết thoả thuận trọng tài, các bên cần lưu ý các trường hợp thoả thuận trọng tài vô hiệu để tránh mắc phải sai sót dẫn đến việc phán quyết trọng tài không được thi hành.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Công ước về công nhận và thi hành các quyết định trọng tài nước ngoài (Công ước New York 1958).
2. Đỗ Văn Đại (2015), “*Giải quyết tranh chấp hợp đồng: Những điều doanh nhân cần biết*”, Nxb. Tri thức.
3. Ngô Quốc Chiến (2018), “*Luật Tư pháp quốc tế: Hướng đến xây dựng một mô hình lập pháp ở Việt Nam*”, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

4. Ngô Quốc Chiến và Nguyễn Hoàng Anh (2021), “*Trọng tài thương mại quốc tế và vấn đề luật áp dụng*”, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp số 01 (425), tháng 1/2021.

5. Nguyễn Mạnh Dũng và Nguyễn Thị Thu Trang (2016), “*Căn cứ từ chối công nhận và cho thi hành trên cơ sở năng lực ký kết hợp đồng và thoả thuận trọng tài theo luật Việt Nam và luật nước ngoài*”, Tham luận tại Toạ đàm về các quy định mới của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và Công ước New York 1958 do Usaid tổ chức, 8/2016.

6. Đặng Thị Thơm (2022), “*Vấn đề thực thi phán quyết của Trung tâm trọng tài thương mại quốc tế - Những vướng mắc và kiến nghị*”, <https://tapchitoaan.vn/van-de-thuc-thi-phan-quyet-cua-trung-tam-trong-tai-thuong-mai-quoc-te-nhung-vuong-mac-va-kien-nghi7437.html>, truy cập ngày 15/3/2023